

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 20/2019/HS-ST

Ngày 16-10-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiếp và bà Lê Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy– Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ – sinh ngày 14 tháng 5 năm 1980 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Tiến D, sinh năm 1962; con bà: Lê Thị Xuân M1, sinh năm 1962; Vợ: Phạm Thị C, sinh năm 1981 và con: có 03 con lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; Về nhân thân: Năm 1994, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản của công dân vào ngày 27/8/1994, đến ngày 07/11/1994, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận ra quyết định trả tự do vì chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và Công an huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận đưa về bàn giao cho chính quyền địa phương xã Phở Nhon, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi và làm nông, sống tại thôn A, xã P, huyện Đ đến năm 2006. Năm 2006, có hành vi trộm cắp xe máy tại xã Ph, huyện Đ; ngày 12/12/2006 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ ra quyết định

khởi tố vụ án, khởi tố bị can; sau đó bị cáo Lê Văn Đ đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ ra quyết định truy nã, đến tháng 8/2009, bị bắt và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ ra quyết định đình nã. Do thay đổi tình hình, ngày 07/8/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự, đình chỉ điều tra bị can và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (bị cáo đã thực hiện xong quyết định theo biên lai nộp tiền số: 0014700 và 0014711), sau đó bị cáo về sống tại thôn A, xã P, huyện Đ và làm nông đến năm 2010. Ngày 03/5/2010, có hành vi trộm cắp tài sản tại xã P, huyện Đ; ngày 23/8/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ tuyên phạt 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản đã chấp hành xong hình phạt về sống tại thôn A, xã P, huyện Đ và làm nông đến năm 2019. Ngày 25/3/2019, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Đinh Thị P, Đinh Văn R và Đinh Văn S để trong lán trại tại khu rừng keo Bàu Đen thuộc thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; ngày 27 tháng 5 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; ngày 29 tháng 5 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ ra Quyết định khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ giai đoạn khởi tố cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại:

2.1 Chị Đinh Thị P – sinh năm 1993. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

2.2 Anh Đinh Văn R – sinh năm 1992. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

2.3 Anh Đinh Văn S – sinh năm 1996. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại chị Đinh Thị P, anh Đinh Văn R và anh Đinh Văn S có bà Hồng Thị T – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

Địa chỉ: Số 108 Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Lê Văn M2 – sinh năm 1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: T 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2 Anh Lê Quang H – sinh năm 1992. Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 25/3/2019, bị cáo Lê Văn Đ từ nhà ở của chị Phạm Thị V, sinh năm 1979 là người sống chung với bị cáo ở thôn P, xã B, huyện B, điều khiển xe mô tô biển số 76B1-03174 đi tìm tổ ong để bắt lấy mật, đến khu rừng keo Bàu Đen thuộc thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào khoảng 09 giờ 15 phút, bị cáo dựng xe ở lề đường gần đám đất trồng cây keo con rồi đi bộ lên rừng để tìm tổ ong. Khoảng 09 giờ 30 phút, bị cáo đi bộ đến gần một lán trại được che tấm bạt màu xanh (lán trại của ông Nguyễn Văn T cũng nằm trong khu rừng keo Bàu Đen thuộc thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Lúc này bị cáo nghe có tiếng điện thoại rung trong một túi xách vải treo trên đầu một thanh gỗ ngang gắn với cây cột dựng trại ở bên trong lán trại, khi nghe tiếng điện thoại rung thì bị cáo quan sát xung quanh thấy không có người quản lý tài sản nên đã nảy sinh lòng tham trộm cắp tài sản, bị cáo đi đến vị trí treo túi xách vải dùng tay mở túi xách rồi đưa tay vào bên trong lấy túi nylon lên để trên miệng túi xách rồi mở túi nylon lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung A750, màu đen, có ốp lưng bằng nhựa của chị Đinh Thị P. Cùng lúc đó bị cáo nghe tiếng điện thoại reo trên chiếc võng có cái mền che lại thì bị cáo lại gần, dùng tay kéo cái mền ra và lấy trộm tiếp 01 (một) điện thoại di động OPPO F1, màu trắng-hồng của anh Đinh Văn R, đồng thời bị cáo phát hiện 01 (một) điện thoại di động MASSTEL màu đen, có bàn phím, không có nắp đậy phía sau nằm trên nền đất dưới chiếc võng gần bên chiếc võng để điện thoại di động OPPO F1, màu trắng-hồng nên tiếp tục lấy điện thoại di động hiệu MASSTEL của anh Đinh Văn S. Khi lấy trộm xong 03 (ba) điện thoại di động, bị cáo đi bộ đến nơi để xe, trên đường đi bị cáo lấy điện thoại di động hiệu Sam Sung A750, màu đen, có ốp lưng bằng nhựa xem và gỡ ốp lưng bằng nhựa ra vứt trong khu rừng keo và bọc điện thoại Sam Sung A750, màu đen vào túi quần bên phải rồi đi tiếp đến đám đất trồng cây keo con thì bị cáo lấy điện thoại di động MASSTEL màu đen, có bàn phím, không có nắp đậy phía sau ra xem, thấy không có giá trị nên bị cáo vứt vào đám đất trồng cây keo con thuộc khu rừng keo Bàu Đen thôn Bàn Thạch, xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ. Sau đó, bị cáo điều khiển xe chạy đến tiệm điện thoại di động Lê M2 ở thị trấn Đ, huyện Đ bán 01 (một) điện thoại di động OPPO F1, màu trắng-hồng với giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo tiếp tục điều khiển xe chạy đến Cửa hàng điện máy xanh (thế giới di động) ở

thị trấn B, huyện B và yêu cầu nhân viên Cửa hàng điện máy xanh (thế giới di động) mở khóa điện thoại di động hiệu Sam Sung A750, màu đen để sử dụng. Nhân viên Cửa hàng điện máy xanh yêu cầu bị cáo để điện thoại lại sửa chữa nên bị cáo đã để lại điện thoại và đi về nhà. Đến ngày 29/3/2019, nhân viên Cửa hàng điện máy xanh (thế giới di động) gọi điện thoại cho bị cáo đến nhận lại điện thoại, khi bị cáo nhận lại điện thoại xong thì bị Công an huyện Đức Phổ triệu tập làm việc và bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo.

Ngày 30/3/2019 và ngày 24/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ đã tổ chức truy tìm vật chứng với đối tài sản bị trộm cắp là 01 chiếc điện thoại di động MASSTEL màu đen, có bàn phím, không có nắp đậy phía sau và 01 ốp lưng điện thoại. Qua truy tìm thì tìm được 01 chiếc điện thoại di động MASSTEL màu đen, có bàn phím, không có nắp đậy phía sau.

Theo Kết luận định giá số 09/KL-HĐĐG ngày 20/4/2019 và Kết luận định giá số 18 ngày 08/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận, giá trị còn lại của những tài sản mà bị cáo Lê Văn Đ đã trộm cắp vào ngày 25/3/2019 gồm điện thoại di động hiệu Sam Sung A750, màu đen là 4.172.000đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1, màu trắng hồng là 2.094.000đồng, 01 điện thoại di động hiệu MASSTEL, màu đen là 150.000đồng và 01 ốp lưng là 56.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Lê Văn Đ chiếm đoạt được là 6.472.000 đồng (sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Tang vật tạm giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung A750, màu đen; 01 (một) điện thoại di động MASSTEL có bàn phím, màu đen, không có nắp đậy phía sau; 01(một) xe mô tô BKS 76B1-03174, có số máy Y0324868, số khung 2005817.

Ngoài ra, theo bị hại Đinh Thị P thì ngoài chiếc điện thoại Samsung A750, màu đen và 01 ốp lưng điện thoại bị mất thì chị Phí còn bị mất 01 cục sạc dự phòng màu xanh dương trị giá 500.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ đã tiến hành đối chất giữa bị cáo và chị Đinh Thị P nhưng bị cáo không thừa nhận đã lấy trộm cục sạc dự phòng của chị Đinh Thị Phí. Mặt khác, không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp cục sạc dự phòng của chị P nên không có căn cứ xác định bị cáo Lê Văn Đ đã lấy sạc pin dự phòng của chị Đinh Thị P.

Tại bản cáo trạng số 26/ CT-VKS- ĐP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố bị cáo Lê Văn Đ tội “Trộm cắp tài sản”

theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 18 đến 24 tháng tù.

Bị cáo Lê Văn Đến không có nghề nghiệp và không có nguồn thu nhập ổn định, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- + Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ đã trả lại cho chị Đinh Thị P 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A750, màu đen của chị Đinh Thị P. Xét thấy việc trả lại tài sản cho bị hại là có căn cứ.

- + Đề nghị trả lại cho anh Đinh Văn S 01 (một) điện thoại di động MASSTEL có bàn phím, màu đen, không có nắp đậy phía sau của anh Đinh Văn S.

- + Đề nghị trả lại 01(một) xe mô tô BKS 76B1-03174, có số máy Y0324868, số khung 2005817 cho bị cáo Lê Văn Đ. Xét thấy đây là xe mô tô tạm giữ của bị cáo, bị cáo không dùng làm công cụ phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích ban đầu của bị cáo là đi theo ong lấy mật.

Về trách nhiệm dân sự:

- + Bị hại chị Đinh Thị P yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ bồi thường cho chị 01 cục sạc dự phòng trị giá 500.000đồng và 01 ốp lưng điện thoại màu đen trị giá 56.000 đồng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa không có chứng cứ chứng minh bị cáo trộm cắp cục sạc dự phòng trị giá 500.000 đồng; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị P về bồi thường giá trị 01 cục sạc dự phòng. Đề nghị chấp nhận bồi thường giá trị 01 ốp lưng điện thoại trị giá 56.000đồng.

- + Bị hại anh Đinh Văn R yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ bồi thường giá trị của chiếc điện thoại OPPO F1, màu trắng-hồng là 2.094.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- + Bị hại anh Đinh Văn S yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ bồi thường giá trị 01 điện thoại hiệu MASSTEL màu đen, có bàn phím, không có nắp đậy phía sau bị mất là 300.000đồng. Nhưng anh Đinh Văn S được trả lại điện thoại nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh S.

Đối với chủ cửa hàng điện thoại Lê M2 là ông Lê Văn M2: Vào ngày 25/3/2019, sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo Lê Văn Đ đã đến Cửa hàng điện thoại Lê M2 bán cho ông Lê Văn M2 01 (một) điện thoại di động OPPO F1, màu trắng-hồng của anh Đinh Văn R. Tuy nhiên, trong quá trình mua bán điện thoại ông Lê

Văn M2 không biết điện thoại di động OPPO F1, màu trắng-hồng mà bị cáo bán là tài sản trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ không xử lý đối với ông Lê Văn M2 là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại chị Đinh Thị P, anh Đinh Văn R và anh Đinh Văn S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với yêu cầu của các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ đã thực hiện là đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Đến đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu ở trên; Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở, chứng cứ xác định:

Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 25/3/2019, bị cáo Lê Văn Đến điều khiển xe mô tô biển số 76B1-03174 từ thôn P, xã B, huyện B đi tìm tổ ong để bắt lấy mật, đến khu rừng keo Bầu Đen thuộc thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung A750, màu đen, có ốp lưng bằng nhựa của chị Đinh Thị P; 01 (một) điện thoại di động OPPO F1, màu trắng-hồng của anh Đinh Văn R và 01 (một) điện thoại di động MASSTEL màu đen của anh Đinh Văn S. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được là 6.472.000 đồng (sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Bị cáo Lê Văn Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; đây là tình tiết cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Lê Văn Đ có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử lý hành chính và hình sự về hành vi trộm cắp tài sản, gần nhất là ngày 23/8/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ tuyên phạt 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Sau khi chấp hành xong hình phạt về địa phương sinh sống bị cáo không lấy đó làm bài học để tự ren đe, giáo dục bản thân mà tiếp tục phạm tội thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Nên cần xét xử bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; đồng thời phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định, nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8.1] Bị hại anh Đinh Văn R yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ bồi thường giá trị của chiếc điện thoại OPPO F1, màu trắng-hồng là 2.094.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8.2] Bị hại chị Đinh Thị P yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ bồi thường cho bà 01 cục sạc dự phòng trị giá 500.000 đồng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa không có chứng cứ chứng minh bị cáo trộm cắp tài sản này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị P.

[8.3] Bị hại Đinh Thị P yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ bồi thường 01 ốp lưng điện thoại màu đen trị giá 56.000 đồng là có căn cứ nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Đinh Thị P số tiền 56.000 đồng (năm mươi sáu nghìn đồng).

[8.4] Bị hại anh Đinh Văn S yêu cầu bị cáo Lê Văn Đ bồi thường giá trị 01 điện thoại hiệu MASSTEL màu đen, có bàn phím, không có nắp đậy phía sau bị mất là 300.000 đồng. Nhưng anh Đinh Văn S được trả lại điện thoại nêu trên nên yêu cầu của anh Sinh không được Hội đồng xét xử xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[9.1] Trả lại cho anh Đinh Văn S 01 (một) điện thoại di động MASSTEL có bàn phím, màu đen, không có nắp đậy phía sau của anh Đinh Văn S.

[9.2] Trả lại 01 (một) xe mô tô BKS 76B1-03174, có số máy Y0324868, số khung 2005817 cho bị cáo Lê Văn Đ.

[9.3] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ đã trả lại cho chị Đinh Thị P 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A750, màu đen của chị Đinh Thị P là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với chủ cửa hàng điện thoại Lê M2 là ông Lê Văn M2: khi mua bán điện thoại ông Lê Văn M2 không biết điện thoại di động OPPO F1, màu trắng-hồng mà bị cáo bán là tài sản trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ không xử lý đối với ông Lê Văn M2 là đúng theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định tại khoản 02 Điều 135; khoản 02 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[12] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2.1. Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải bồi thường cho anh Đinh Văn R số tiền 2.094.000 đồng (hai triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

2.2. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đinh Thị P số tiền 56.000 đồng (năm mươi sáu nghìn đồng)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. Trả lại 01 (một) điện thoại di động MASSTEL có bàn phím, màu đen, không có nắp đậy phía sau cho bị hại anh Đinh Văn S.

3.2. Trả lại 01(một) xe mô tô BKS 76B1-03174, có số máy Y0324868, số khung 2005817 cho bị cáo Lê Văn Đ.

Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Phổ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 02 Điều 135; khoản 02 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/UBTVQH 13 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn nơi người vắng mặt cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sang

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.